

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc Ban hành Quy định công tác**  
**thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Lục Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất tại văn bản số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương;

Căn cứ Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”;

Căn cứ Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24/01/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BCA ngày 23/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân, Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-

CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 172/2015/QĐ-UBND ngày 05/5/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy định công tác Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Lục Nam.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng phòng Nội vụ; thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Ban Thi đua-KT, Sở Nội vụ;
- TT Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT./.

**Bản điện tử:**

- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các cơ quan TW, tỉnh đóng trên địa bàn huyện;
- Các tổ chức Hội cấp huyện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hà Quốc Hợp**

## QUY ĐỊNH

### Công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Lục Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 750/QĐ-UBND

ngày 25/6 /2018 của Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về đối tượng, phạm vi, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và Quỹ thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Lục Nam.

2. Những nội dung khác về công tác thi đua, khen thưởng không điều chỉnh trong Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền làm công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện.

2. Công dân Việt Nam, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn huyện; người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế tại Việt Nam có thành tích xuất sắc trong việc phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương.

#### Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua gồm:

- a. Tự nguyện, tự giác, công khai;
- b. Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển;
- c. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng gồm:

- a. Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được;
- b. Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen

thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

c. Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

d. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung.

3. Không thực hiện xét khen thưởng đối với các trường hợp sau đây:

- a. Bị kỷ luật hoặc đang xem xét xử lý kỷ luật, đang thi hành kỷ luật;
- b. Tổ chức kiêm nhiệm được thành lập trong một thời gian nhất định để tham mưu, tư vấn thực hiện nhiệm vụ;
- c. Nhân kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống;
- d. Khi tiến hành sơ, tổng kết việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật.
- đ. Trong các đại hội, hội nghị sơ kết, tổng kết của các cơ quan, đơn vị (*trừ trường hợp đặc biệt*).

4. Cấp nào phát động phong trào thi đua theo chuyên đề thì cấp đó khen thưởng.

5. Thời điểm khen thưởng:

- a. Khen thưởng tổng kết phong trào Thi đua yêu nước hàng năm do UBND huyện phát động;
- b. Khen thưởng tổng kết phong trào thi đua theo từng chuyên đề do UBND huyện phát động;
- c. Khen thưởng đột xuất.

## **Chương II**

### **DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA**

#### **Điều 4. Các danh hiệu thi đua**

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân gồm:

- a. “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”;
- b. “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”;
- c. “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;
- d. “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm:

- a. “Cờ thi đua của Chính phủ”;
- b. “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”;

- c. “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”;
- d. “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”;
- đ. “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” (sau đây gọi chung là Cơ quan đạt chuẩn văn hóa);
- e. “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”;
- g. “Làng văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” (sau đây gọi chung là Khu dân cư văn hóa);

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là “Gia đình văn hóa”.

### **Điều 5. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với cá nhân**

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” được xét tặng như sau:

a. Giao thủ trưởng cơ quan, đơn vị xét tặng danh hiệu “lao động tiên tiến” hàng năm vào dịp tổng kết năm cho cán bộ, công chức, viên chức đạt tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;

- Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ;

- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

b. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

c. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

d. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

e. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên

tiên”, “Chiến sĩ tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

g. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số những cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”. Tiêu chuẩn cụ thể sau:

a. Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;

b. Có sáng kiến đề tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” do bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương căn cứ vào tình hình thực tiễn quy định cho phù hợp, nhưng không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng hàng năm cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Thời điểm xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” là ngay sau khi đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ ba.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét, đề nghị tặng hàng năm cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và đạt tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với tập thể**

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”

Được xét mỗi năm một lần vào dịp tổng kết phong trào thi đua yêu nước cấp huyện đối với các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a. Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

## 2. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

Được Hội đồng Thi đua - khen thưởng huyện xét và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận mỗi năm một lần vào dịp tổng kết phong trào thi đua yêu nước cấp tỉnh; tỷ lệ danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 30% tổng số cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn đang hưởng lương từ ngân sách cấp huyện quản lý, đạt các tiêu chuẩn sau:

- a. Tập thể lao động xuất sắc là tập thể tiêu biểu, lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”. Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- b. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";
- d. Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- e. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

## 3. Danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Khu dân cư văn hóa”, “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” được xét tặng như sau:

- a. Danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Khu dân cư văn hóa” được xét tặng hàng năm cho các đối tượng theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương (sau đây gọi chung là Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL);
- b. Danh hiệu “Cơ quan đạt chuẩn văn hoá” được xét tặng hàng năm cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” (sau đây gọi chung là Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL);
- c. Danh hiệu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” được xét tặng hàng năm cho các xã theo quy định tại Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” (sau đây gọi chung là Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL);
- d. Danh hiệu “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” được xét tặng hàng năm cho các phường, thị trấn theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL

ngày 24/01/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” (sau đây gọi chung là Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL).

4. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng như sau:

“Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hàng năm hoặc chuyên đề đối với tập thể đạt tiêu chuẩn:

a. Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;

b. Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương học tập;

b. Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

Việc xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh phải được các khối, cụm thi đua chấm điểm, suy tôn và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện xét duyệt, trình UBND tỉnh tặng thưởng.

5. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét, đề nghị tặng như sau:

a. Cờ thi đua của Chính phủ được xét, đề nghị tặng hàng năm hoặc chuyên đề cho các tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất và Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

b. Cờ thi đua của Chính phủ được xét chọn trong số những tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất đã được xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **Chương III**

### **HÌNH THỨC VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 7. Giấy khen**

Giấy khen được xét tặng cho các tập thể, cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 75 Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất. Giấy khen tặng cho gia đình thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

1. Đối với cá nhân

a. Số lượng:

- Đối với Hội nghị thi đua yêu nước cấp huyện, hội nghị tổng kết phong trào thi đua yêu nước hàng năm. Giao Hội đồng Thi đua-khen thưởng huyện hướng dẫn, bình xét.

- Khen thưởng theo chuyên đề, đột xuất lựa chọn các cá nhân tiêu biểu.

b. Tiêu chuẩn:

- Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;

- Lập được thành tích đột xuất;



- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

## 2. Đối với tập thể

### a. Số lượng

- Đối với Hội nghị thi đua yêu nước cấp huyện, hội nghị tổng kết phong trào thi đua yêu nước hàng năm. Giao Hội đồng Thi đua-Khen thưởng huyện hướng dẫn, bình xét;

- Khen thưởng theo chuyên đề, đột xuất lựa chọn các tập thể tiêu biểu nhất.

### b. Tiêu chuẩn:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- Lập được thành tích đột xuất;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

## **Điều 8. Bằng khen**

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng theo quy định tại Điều 72 Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất và Khoản 2, Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng vào đợt tổng kết năm, đột xuất, chuyên đề hoặc theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương.

## **Điều 9. Các hình thức khen thưởng khác**

Việc xét, đề nghị tặng thưởng các loại Huân chương, Huy chương các hạng, các danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

## **Chương IV**

### **THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG**

## **Điều 10. Thẩm quyền quyết định khen thưởng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a. Quyết định tặng thưởng Giấy khen; công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Thôn, bản, tổ dân phố văn hoá”;

b. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a. Quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Gia đình văn hóa”;

b. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét, công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn theo quy định.

### **Điều 11. Thẩm quyền trao tặng khen thưởng**

1. Người có thẩm quyền quyết định hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng hình thức khen thưởng đó.

2. Nghi thức công bố, trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua thực hiện theo quy định Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

### **Điều 12. Quy định về thủ tục hồ sơ đề nghị**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 45, Điều 46, Điều 47 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trường hợp khen thưởng đột xuất gương hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm, gương người tốt, việc tốt trong phạm vi địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Chủ tịch UBND huyện chịu trách nhiệm về thủ tục và nội dung hồ sơ khen thưởng trình Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, Phòng Nội vụ chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị cấp trên khen thưởng theo đúng quy định.

### **Điều 13. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng**

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện và các văn bản hướng dẫn thi hành;

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xã, thị trấn do Chủ tịch UBND xã, thị trấn thành lập. Căn cứ tình hình thực tế bố trí số lượng thành viên Hội đồng cho phù hợp. Chủ tịch UBND xã, thị trấn là Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Phó Chủ tịch hội đồng là Phó Chủ tịch UBND xã; các thành viên khác là người đứng đầu các tổ chức đảng, đoàn thể và một số lĩnh vực chuyên môn thuộc UBND xã, thị trấn.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bỏ phiếu kín khi xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. Tỷ lệ phiếu bầu đạt từ 90% trở lên (tính trên tổng số thành viên Hội đồng) đối với danh hiệu: “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi

đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”; 70% trở lên (tính trên tổng số thành viên Hội đồng) đối với các trường hợp đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ khen thưởng và Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh; trên 50%, (tính trên tổng số thành viên Hội đồng) khi xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng còn lại.

#### **Điều 14. Hội đồng khoa học, sáng kiến**

Hội đồng sáng kiến khoa học được thành lập để giúp UBND huyện xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” hàng năm.

#### **Điều 15. Trình tự, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh”, “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh**

1. Trình tự xét tặng được thực hiện như sau:

Chủ tịch UBND huyện có tờ trình (kèm theo hồ sơ) gửi Chủ tịch UBND tỉnh, đề nghị khen thưởng qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua-Khen thưởng).

2. Hồ sơ: 02 bộ, mỗi bộ hồ sơ gồm có:

a. Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng của cấp trình khen;

b. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình khen thưởng (*mẫu báo cáo thành tích thực hiện theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP*).

c. Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng;

d. Ý kiến xác nhận của Hội đồng sáng kiến khoa học huyện. Trường hợp sáng kiến, giải pháp, đề tài đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì gửi kèm bản sao giấy chứng nhận hoặc bản photo và mang kèm theo bản chính để đối chiếu (*đối với trường hợp tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh*).

#### **Điều 16. Trình tự, hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng**

1. Trình tự xét, đề nghị khen thưởng được thực hiện như sau:

Chủ tịch UBND huyện có tờ trình (kèm theo hồ sơ) gửi các cấp khen thưởng, đề nghị khen thưởng qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua-Khen thưởng).

2. Hồ sơ: 03 bộ hồ sơ đối với trình Thủ tướng Chính phủ khen thưởng; 04 bộ hồ sơ đối với trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng. Thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Hồ sơ phải có ý kiến xác nhận của UBND huyện trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua-Khen thưởng).

**Điều 17. Trình tự, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” và Giấy khen**

1. Trình tự xét tặng được thực hiện như sau:

a. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xã, thị trấn hoặc người phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tổng hợp, thẩm định thành tích để báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện đối với các hồ sơ đủ điều kiện.

b. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện họp xét khen thưởng, cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoặc người phụ trách công tác thi đua, khen thưởng tổng hợp trình Chủ tịch UBND huyện quyết định khen thưởng đảm bảo theo quy định.

2. Hồ sơ: 01 bộ, thành phần hồ sơ gồm:

a. Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng của cấp trình khen;

b. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

c. Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng;

d. Ý kiến xác nhận của Hội đồng sáng kiến khoa học cấp huyện. Trường hợp sáng kiến, giải pháp, đề tài đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì gửi kèm bản sao giấy chứng nhận hoặc bản photo và mang kèm theo bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở).

**Điều 18. Đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản**

Những trường hợp đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 85 Luật Thi đua, khen thưởng hợp nhất được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

1. Trình tự xét, đề nghị khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 15, Khoản 1 Điều 16 và Khoản 1 Điều 17 của Quy định này.

2. Số lượng bộ hồ sơ: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 15, Khoản 2 Điều 16 và Khoản 2 Điều 17 của Quy định này.

3. Thành phần hồ sơ:

a. Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng của cấp trình khen thưởng;

b. Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

**Điều 19. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu dân cư văn hóa”, “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”.**

1. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu dân cư văn hóa” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL.

2. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL.

3. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL.

4. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL.

### **Điều 20. Thông báo kết quả và lưu trữ hồ sơ khen thưởng**

#### **1. Thông báo kết quả khen thưởng**

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định khen thưởng hoặc có kết quả đối với các tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn được khen thưởng, Phòng Nội vụ phải thông báo cho đơn vị trình khen thưởng được biết.

#### **2. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng**

Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các xã, thị trấn có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền để thuận tiện cho việc tra cứu, giải quyết khiếu nại của công dân. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định về công tác lưu trữ.

## **Chương V**

### **QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 21. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng**

Thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP; Điều 3 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Thông tư số 71/2011/TT-BTC).

#### **Điều 22. Cách tính và mức thưởng**

1. Cách tính và mức thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Căn cứ vào điều kiện thực tế của huyện, ngoài các hình thức, mức thưởng theo quy định, UBND huyện có hướng dẫn khen thưởng cụ thể đối với một số lĩnh vực đặc thù.

#### **Điều 23. Quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 66, Điều 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP; Điều 4, Điều 5 Thông tư 71/2011/TT-BTC và Điều 24 Thông tư số 07/2014/TT-BNV;

2. Quỹ khen thưởng của huyện do Phòng Nội vụ giúp Chủ tịch UBND huyện quản lý, sử dụng. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp xã, thị trấn do Chủ tịch UBND cấp xã, thị trấn quản lý, sử dụng;

3. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng có trách nhiệm chi tiền thưởng từ quỹ thi đua khen thưởng do cấp mình quản lý;

4. Khen thưởng theo chuyên đề, các chương trình, mục tiêu được trích từ nguồn kinh phí sự nghiệp hoạt động của chương trình, mục tiêu. Trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không quy định được trích thưởng thì mới chi thưởng từ Quỹ khen thưởng của đơn vị chủ trì thực hiện chương trình, mục tiêu đó.

Ủy ban nhân dân huyện trích Quỹ thi đua, khen thưởng để khen thưởng cho tập thể, cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm, gương người tốt, việc tốt, các gương điển hình trong phong trào thi đua, phong trào quần chúng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định mức thưởng đối với từng trường hợp cụ thể.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 24. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương**

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy định này. Phòng Nội vụ giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể và UBND các xã, thị trấn trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Đề nghị Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, lực lượng vũ trang, đơn vị Trung ương, đơn vị tỉnh đóng trên địa bàn huyện căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng của các Bộ, ngành Trung ương; của Sở, ban, ngành tỉnh để thực hiện.

#### **Điều 25. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Phòng Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND huyện bổ sung, sửa đổi theo quy định./.